

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Điện ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá và Thể thao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-BVHTTDL ngày 21/4/2026 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Điện ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 106/TTr SVHTT ngày 22/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Điện ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá và Thể thao (có Phụ lục kèm theo).

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với các thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại các quyết định: số 134/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tư pháp;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TTTH-CB, TTPVHCC.
- TĐ_QĐCB/2026

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Thanh Sơn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến			
							Toàn trình	Một phần		
1	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	* Phí, lệ phí:		Sở Văn hoá và Thể thao	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện ảnh ngày 15/6/2022; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2022/TT-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ VHTTDL; - Thông tư số 11/2023/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2023 của Bộ VHTTDL; - Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính. 	X		
				STT	Tên khoản phí, lệ phí					Mức thu
				1	Phí thẩm định và phân loại phim					
				1.1	Phim thương mại					
				a	Phim truyện					3.600.000 đồng/tập phim
				b	Phim ngắn					
				b.1	Độ dài đến dưới 60 phút					2.200.000 đồng/phim
				b.2	Độ dài từ 60 phút trở lên					3.600.000 đồng/phim
				1.2	Phim phi thương mại					
				a	Phim truyện					
				a.1	Độ dài đến dưới 100 phút					2.400.000 đồng/tập phim
				a.2	Độ dài từ 100 đến dưới 150 phút					3.600.000 đồng/tập phim
				a.3	Độ dài từ 150 đến dưới 200 phút					4.800.000 đồng/tập phim
				b	Phim ngắn					

				<table border="1"> <tr> <td>b.1</td> <td>Độ dài đến dưới 60 phút</td> <td>1.600.000 đồng/phim</td> </tr> <tr> <td>b.2</td> <td>Độ dài từ 60 đến dưới 100 phút</td> <td>2.400.000 đồng/phim</td> </tr> <tr> <td>b.3</td> <td>Độ dài từ 100 đến dưới 150 phút</td> <td>3.600.000 đồng/phim</td> </tr> <tr> <td>b.4</td> <td>Độ dài từ 150 đến dưới 200 phút</td> <td>4.800.000 đồng/phim</td> </tr> </table>	b.1	Độ dài đến dưới 60 phút	1.600.000 đồng/phim	b.2	Độ dài từ 60 đến dưới 100 phút	2.400.000 đồng/phim	b.3	Độ dài từ 100 đến dưới 150 phút	3.600.000 đồng/phim	b.4	Độ dài từ 150 đến dưới 200 phút	4.800.000 đồng/phim				
b.1	Độ dài đến dưới 60 phút	1.600.000 đồng/phim																		
b.2	Độ dài từ 60 đến dưới 100 phút	2.400.000 đồng/phim																		
b.3	Độ dài từ 100 đến dưới 150 phút	3.600.000 đồng/phim																		
b.4	Độ dài từ 150 đến dưới 200 phút	4.800.000 đồng/phim																		
				<p>* Miễn phí thẩm định và phân loại phim đối với chương trình chiếu phim nước ngoài tại Việt Nam phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia hoặc theo các văn bản thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và nước ngoài về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.</p> <p>Chương trình chiếu phim nước ngoài tại Việt Nam phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư này, bao gồm: các hoạt động chiếu phim nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyên thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.</p>																